



## **BÁO CÁO**

# **ĐÁNH GIÁ 05 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 09/2016/NĐ-CP NGÀY 28/01/2021 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TĂNG CƯỜNG VI CHẤT DINH DƯỠNG TRONG THỰC PHẨM**

---

### **Mục lục nội dung**

### **Các từ viết tắt**

## **Phần I. THÔNG TIN CHUNG**

### **I. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

- Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo giao Bộ Y tế “*ngiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.*

### **II. MỤC TIÊU ĐÁNH GIÁ**

#### **1. Mục tiêu chung**

Đánh giá quá trình tổ chức thực hiện Nghị định số 09 trong 5 năm qua của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan để ghi nhận những kết quả đạt được, phát hiện các vướng mắc, bất cập, tồn tại, khó khăn để từ đó kiến nghị các giải pháp khắc phục nhằm góp phần cải thiện hơn tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng trong cộng đồng, nâng cao sức khỏe người dân.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Đánh giá kết quả đạt được sau 05 năm thi hành Nghị định 09 bao gồm: tình hình thực hiện quy định của doanh nghiệp, trách nhiệm tổ chức thực hiện của cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Xác định những hạn chế, bất cập của các quy định pháp luật và các tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định, phân tích nguyên nhân của các hạn chế, bất cập, tồn tại, khó khăn, vướng mắc.

- Đề xuất các giải pháp thích hợp trong thời gian tới hoàn thiện thể chế, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành Nghị định trên, tăng cường vi chất dinh dưỡng, nâng cao sức khỏe người dân.

## **II. NỘI DUNG, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **1. Nội dung:**

Đánh giá toàn diện quá trình tổ chức triển khai, thi hành Nghị định số 09. Các nội dung đánh giá dựa trên các nội dung cơ bản của Nghị định bao gồm:

- Quy định vi chất dinh dưỡng bắt buộc tăng cường vào thực phẩm bao gồm I-ốt, sắt, kẽm và vitamin A.

- Quy định thực phẩm bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng bao gồm:

+ Muối dùng để ăn trực tiếp, dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường I-ốt;

+ Bột mỳ dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường sắt và kẽm;

+ Dầu thực vật có chứa một trong các thành phần dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hạt cải và dầu lạc phải tăng cường vitamin A, trừ dầu thực vật dùng trong chế biến thực phẩm theo phương pháp công nghiệp.

### **2. Phạm vi:**

a) Đánh giá công tác triển khai thi hành, việc tuân thủ và những tác động của Nghị định số 09 đang được thực hiện tại các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và cơ quan, tổ chức có liên quan.

Phạm vi đánh giá về các nội dung theo yêu cầu quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, bao gồm:

- Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định.

- Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai hướng dẫn thực hiện Nghị định.

- Công tác truyền thông, phổ biến.

- Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

- Tình hình thực hiện quy định tăng cường vi chất dinh dưỡng của doanh nghiệp.

- Các chỉ số sức khỏe liên quan đến vi chất dinh dưỡng.

b) Văn bản, số liệu, thông tin đánh giá được tính từ khi Nghị định có hiệu lực thi hành ngày 15/3/2016 đến hết ngày 31/12/2021.

### **3. Đối tượng:**

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức, phối hợp thi hành: Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cơ quan khác ở Trung ương, địa phương, đơn vị thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm hành chính;

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể;

- Cán bộ, công chức, người chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ.

- Đối tượng chịu sự tác động của Luật: doanh nghiệp, hiệp hội trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải tăng cường vi chất dinh dưỡng.

### **4. Phương pháp:**

#### **1. Thu thập thông tin bằng văn bản**

- Các cơ quan báo cáo bằng văn bản theo mẫu Đề cương báo cáo theo yêu cầu của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

- Thu thập, tổng hợp thông tin từ Báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thông tin của các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, hiệp hội, doanh nghiệp.

- Kết quả của khảo sát đánh giá liên quan đến tình hình triển khai Nghị định số 09 đã thực hiện trước đây

- Rà soát, tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân.

#### **2. Thu thập thông tin qua hội thảo, họp, tọa đàm cung cấp thông tin:**

- Các cuộc họp trao đổi thông tin với các Bộ, cơ quan liên quan. Tọa đàm, họp, hội thảo với các doanh nghiệp.

#### **3. Tổng hợp số liệu và viết báo cáo:**

a) Tổng hợp toàn bộ báo cáo bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND tỉnh, thành phố hoặc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; văn bản kiến nghị của doanh nghiệp, hiệp hội.

b) Hoàn thiện báo cáo:

- Xin ý kiến góp ý về dự thảo Báo cáo
- Hoàn thiện Báo cáo trình Chính phủ.

## **Phần II. TỔNG QUAN CHUNG VỀ NGHỊ ĐỊNH 09**

### **1. Bối cảnh ban hành Nghị định số 09**

Tình trạng thiếu hụt vi chất dinh dưỡng tại Việt Nam trong giai đoạn 2014-2015 đang ngày càng trở lên nghiêm trọng, trong đó đặc biệt đối tượng bị ảnh hưởng là trẻ em và phụ nữ, cụ thể:

a) Tình trạng thiếu I-ốt: tỷ lệ bướu cổ trẻ em 8-12 tuổi là 9,8%. Tỷ lệ này cao gấp gần 2 lần so với khuyến nghị của Tổ chức Y tế thế giới (<5%) và cao gấp gần 3 lần so với số liệu năm 2005 của Việt Nam (là 3,6%) khi Việt Nam tuyên bố thanh toán tình trạng bướu cổ và các rối loạn do thiếu I-ốt. Với tỷ lệ như vậy, Mạng lưới toàn cầu về phòng, chống rối loạn thiếu I-ốt đánh giá Việt Nam là một trong 19 quốc gia có tình trạng thiếu I-ốt tồi tệ nhất trên thế giới.

b) Tình trạng thiếu sắt: tỷ lệ thiếu máu do thiếu sắt ở phụ nữ có thai là 31,9%, phụ nữ không có thai 24,4% và trẻ em dưới 5 tuổi 27,7%.

c) Tình trạng thiếu kẽm: tỷ lệ thiếu kẽm ở phụ nữ có thai là 82,5%, phụ nữ không có thai 60,7%, và trẻ em dưới 5 tuổi là 68,3%. Thiếu kẽm làm tăng tỷ lệ mắc tiêu chảy, nguy cơ nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính và tử vong trẻ em.

d) Tình trạng thiếu vitamin A: tỷ lệ thiếu vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em dưới 5 tuổi là 13,1% và tỷ lệ vitamin A trong sữa mẹ thấp vẫn ở mức 35%. Tổ chức Y tế Thế giới vẫn xếp Việt Nam vào danh sách 19 nước có tình trạng thiếu vitamin A tiền lâm sàng mức độ nặng (trên 10% trẻ dưới 5 tuổi).

Ngoài ra, một số vi chất dinh dưỡng khác cũng đang bị thiếu hụt như axit folic, vitamin D, vitamin B1, vitamin K..., tuy nhiên 4 vi chất dinh dưỡng I-ốt, sắt, kẽm, vitamin A đang bị thiếu hụt một cách đáng báo động tới mức có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng. Vấn đề này cần phải có can thiệp để giải quyết vấn đề này bằng các biện pháp cộng đồng, trong đó quan trọng nhất và hiệu quả nhất là biện pháp tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.

Bên cạnh đó, Khoản 2 Điều 7 Luật An toàn thực phẩm quy định tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm có các nghĩa vụ tuân thủ quy định của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng mà thiếu hụt sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

Do vậy, việc ban hành Nghị định 09 hoàn toàn phù hợp với bối cảnh về thực trạng thiếu hụt vi chất dinh dưỡng tại Việt Nam và đầy đủ cơ sở pháp lý, khoa học.

### **2. Nội dung chính của Nghị định**

Nghị định quy định một số nội dung chính sau:

a) Vi chất dinh dưỡng bắt buộc tăng cường vào thực phẩm

- Vi chất dinh dưỡng bắt buộc tăng cường vào thực phẩm bao gồm I-ốt, sắt, kẽm và vitamin A.

- Vi chất dinh dưỡng quy định tại Khoản 1 Điều này phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng hoặc phải phù hợp với quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

b) Thực phẩm bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng

- Muối dùng để ăn trực tiếp, dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường I-ốt;

- Bột mỳ dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường sắt và kẽm;

- Dầu thực vật có chứa một trong các thành phần dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hạt cải và dầu lạc phải tăng cường vitamin A, trừ dầu thực vật dùng trong chế biến thực phẩm theo phương pháp công nghiệp.

c) Trách nhiệm trong việc bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm bao gồm: trách nhiệm của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi chất dinh dưỡng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

### **Phần III. CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH 09**

#### **I. Tình hình, kết quả ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Nghị định**

##### **1. Tình hình, kết quả thực hiện**

Sau khi ban hành Nghị định 09, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về quản lý sản xuất, kinh doanh muối; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 46/CT-TTg ngày 21/12/2017 về việc tăng cường công tác dinh dưỡng trong tình hình mới, trong đó yêu cầu Bộ Y tế tập trung giải quyết vấn đề thiếu vi chất dinh dưỡng.

Để thi hành Nghị định 09, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối (Natri clorua) thực phẩm và muối (Natri clorua) tinh. Các Bộ đã ban hành các Thông tư quy định việc quản lý an toàn thực phẩm trong đó có quy định áp dụng đối với việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của bộ.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Thông tư số 08/2021/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối (Natri clorua) thực phẩm và muối (Natri clorua) tinh (QCVN 01-193:2021/BNNPTNT, QCVN 01-194:2021/BNNPTNT); Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu

Quy định về quản lý an toàn và chất lượng vi chất dinh dưỡng, sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm tiếp tục áp dụng theo các văn bản của Bộ Y tế như: Thông tư số 44/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 ban hành Danh mục vi chất dinh dưỡng sử dụng trong thực phẩm và các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia<sup>2</sup> về thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, về các chất được sử dụng để bổ sung kẽm, sắt, iod vào thực phẩm, vitamin A để bổ sung vào dầu thực vật, về muối I-ốt.

Việc quản lý an toàn thực phẩm đối với vi chất dinh dưỡng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng tiếp tục áp dụng các quy định của Luật an toàn thực phẩm và các nghị định, thông tư có liên quan.<sup>3</sup>

Về cơ bản, các văn bản đã bảo đảm đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm và quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này. Mặc dù Nghị định 09 không giao Bộ Y tế ban hành Thông tư hướng dẫn cụ thể việc thi hành Nghị định, nhưng thực tế triển khai có nhiều vấn đề cần được hướng dẫn để thuận lợi cho quá trình thực hiện như việc áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật, việc tổ chức kiểm tra thực hiện Nghị định.

## **2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Việc triển khai quy định tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm phần lớn áp dụng theo các văn bản đã được ban hành trước khi ban hành Nghị định 09. Các quy chuẩn kỹ thuật chủ yếu áp dụng theo các quy chuẩn kỹ thuật về bổ sung vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm ban hành trước đó. Tuy nhiên, theo quy định của Luật an toàn thực phẩm thì khái niệm "thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng", "thực phẩm chức năng (gồm cả thực phẩm bổ sung) là khác nhau. Một số doanh nghiệp có kiến nghị về việc có hai quy định khác nhau liên quan đến nội dung này là “thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng” và “thực

---

thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 Quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

<sup>2</sup> Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng QCVN 9-2:2010/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các chất được sử dụng để bổ sung kẽm vào thực phẩm QCVN 3-1:2010/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các chất được sử dụng để bổ sung sắt vào thực phẩm QCVN 3-3:2010/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các chất được sử dụng để bổ sung iod vào thực phẩm QCVN 3-6:2011/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với vitamin A để bổ sung vào dầu thực vật QCVN 3-7:2019/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối I-ốt QCVN 9-1:2011/BYT.

<sup>3</sup> Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 về nhãn hàng hóa; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. Ngày 15/5/2018 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo trong đó chỉ đạo Bộ Y tế nghiên cứu, sửa đổi bổ sung Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.

phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng” cần được làm rõ và hướng dẫn kỹ hơn về việc công bố sản phẩm, ghi nhãn...

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, theo phân công của Chính phủ thì trách nhiệm quản lý nhà nước liên quan đến các sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng tại Nghị định 09 chủ yếu thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương (bột mỳ, dầu ăn) và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (muối I - ốt), Bộ Y tế chỉ quản lý chất lượng đối với vi chất dinh dưỡng được bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng. Do đó, công tác quản lý an toàn thực phẩm liên quan đến Nghị định 09 có sự đan xen giữa các Bộ ngành, cần tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp để bảo đảm tính thống nhất trong quản lý nhà nước về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.

## **II. Công tác tham mưu, chỉ đạo, quán triệt, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai Nghị định**

### **1. Tình hình, kết quả thực hiện**

Sau khi Nghị định 09 được ban hành, Bộ Y tế đã tổ chức phổ biến, triển khai việc thực hiện Nghị định đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và địa phương, xây dựng Quyết định số 852/QĐ-BYT về Kế hoạch triển khai hành Nghị định số 09. Các Bộ Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức triển khai các nhiệm vụ được quy định giao cho Bộ, ngành phụ trách: quản lý công tác đăng ký bản công bố sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, quảng cáo, ghi nhãn....

Trong quá trình thực hiện, khi có vướng mắc phát sinh, Chính phủ, Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan đều có văn bản giải đáp, xử lý các vướng mắc, phát sinh. Trong đó, Lãnh đạo Chính phủ đã chủ trì nhiều cuộc họp để lắng nghe ý kiến doanh nghiệp, các cơ quan về các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện và đã có các chỉ đạo kịp thời.<sup>4</sup> Bộ Y tế đã chủ trì tổ chức nhiều cuộc họp về hướng dẫn triển khai và giải đáp khó khăn trong việc thực hiện Nghị định số 09 với sự tham gia của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các hội, hiệp hội. Trên cơ sở đó, Bộ Y tế đã ban hành nhiều Công văn để hướng dẫn, trả lời doanh nghiệp.<sup>5</sup>

---

<sup>4</sup> Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã trực tiếp chủ trì đối thoại tại Văn phòng Chính phủ và đã chỉ đạo: Nếu có những phát sinh về biến đổi mùi vị, màu sắc của sản phẩm liên quan đến việc sử dụng muối I-ốt thì doanh nghiệp cần báo cáo ngay với Bộ Y tế để Bộ Y tế phối hợp cùng các bộ liên quan nghiên cứu và đưa ra hướng giải quyết. Ngày 16/11/2018, Văn phòng Chính phủ có công văn số 11201/VPCP-KGVX thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam giao Bộ Y tế khẩn trương khảo sát, đánh giá thực tiễn và báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Ngày 26/6/2019, Văn phòng Chính phủ có công văn số 5619/VPCP-KGVX đề nghị đánh giá thực tế tác động của Nghị định số 09 (cả về phạm vi và mức độ) đối với ngành sản xuất thực phẩm tiêu dùng trong nước).

<sup>5</sup> Công văn số 1216/BYT-PC ngày 14/3/2017 của Bộ Y tế trả lời ý kiến của doanh nghiệp trong triển khai Điều a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 09/2016/NĐ-CP. Công văn số 7658/BYT-PC ngày 14/9/2021 của Bộ Y tế gửi



Thực hiện Chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 4811/QĐ-BYT thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09. Tuy nhiên, trong quá trình góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi này, Bộ Y tế đã nhận được các ý kiến trái ngược nhau giữa các doanh nghiệp, hiệp hội và các Tổ chức quốc tế, các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành về dinh dưỡng. Ngày 02/11/2018, Bộ Y tế đã có Báo cáo số 1207/BC-BYT gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị cho phép đánh giá toàn diện tình hình thực hiện Nghị định 09/2016/NĐ-CP làm cơ sở cho việc đề xuất sửa đổi Nghị định phù hợp với tình hình thực tiễn. Bộ Y tế (chủ trì là Viện Dinh dưỡng và Cục An toàn thực phẩm phối hợp) đã phối hợp với các bộ liên quan tổ chức đoàn công tác đến thực địa để khảo sát, điều tra theo kế hoạch tại 23 cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu vi chất dinh dưỡng; thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng dùng trong nước và cơ sở sản xuất sản phẩm thực phẩm có sử dụng nguyên liệu là thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.<sup>6</sup> Bộ Y tế đã có các Báo cáo số 1495/ATTP-BYT ngày 28/12/2018 về kết quả khảo sát, đánh giá thực tiễn việc thực hiện Nghị định số 09/2016/NĐ-CP và Báo cáo số 439/BC-BYT ngày 02/5/2019 về tổng thể tình hình thực hiện Nghị định số 09 gửi Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 4811/BYT-ATTP ngày 20/8/2019 về việc đánh giá tác động của Nghị định 09 gửi Văn phòng Chính phủ.

Ngày 16/11/2019, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 10520/VPCP-KGVX thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam: *“Bộ Y tế tăng cường thông tin, tuyên truyền, đối thoại giải quyết thỏa đáng những vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm; đồng thời nghiên cứu, sửa đổi Nghị định đảm bảo yêu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân đồng thời tạo thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.”*

Ngày 30/12/2021 Bộ Y tế đã có Báo cáo Thủ tướng Chính phủ số 11076/BYT-PC về dinh dưỡng, bổ sung vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm. Ngày 05/01/2022, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã có chỉ đạo tại Công văn số 99/VPCP-KGVX như sau:

---

các hiệp hội, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm và kiến nghị liên quan đến Nghị định số 09/2016/NĐ-CP. Công văn 6134/BYT-PC ngày 27-10-2017 của Bộ Y tế về việc thực hiện ý kiến kết luận của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chỉ kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất muối i-ốt, không kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có sử dụng muối i-ốt. Công văn số 866/BYT-ATTP 24/02/2020 gửi Văn phòng Chính phủ để báo cáo tình hình triển khai chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam liên quan đến Nghị định số 09.

<sup>6</sup> Bao gồm: 04 cơ sở sản xuất muối, 02 cơ sở sản xuất dầu ăn, 05 cơ sở sản xuất bột mì, 03 cơ sở sản xuất nước mắm, 07 cơ sở sản xuất thực phẩm và 02 cơ sở kinh doanh, nhập khẩu vi chất dinh dưỡng. Trong số đó, 02 cơ sở sản xuất nước mắm từ chổi tham gia khảo sát, vì vậy, tổng số cơ sở tham gia khảo sát là 21 cơ sở.

*“1. Khẩn trương hoàn thành và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.*

*2. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị định số 09/2016/NĐ-CP của Chính phủ theo đúng quy định.”*

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam, ngày 24/01/2022, Bộ Y tế đã có Công văn số 400/BYT-PC gửi các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị định số 09/2016/NĐ-CP của Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương theo quy định; tăng cường công tác quản lý, tiếp tục quan tâm tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và tầm quan trọng, sự cần thiết của việc tăng cường vi chất dinh dưỡng đối với sức khỏe người dân.

Như vậy, công tác tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị định đã được thực hiện kịp thời.

## **2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Trong quá trình thực hiện Nghị định 09, các doanh nghiệp liên tục có các kiến nghị trì hoãn việc thực hiện Nghị định, đề nghị chỉ khuyến khích áp dụng việc tăng cường vi chất. Các kiến nghị này xuất phát từ việc các quy định của Nghị định 09 phần nào tác động đến gia tăng chi phí sản xuất, tăng thêm các yêu cầu kỹ thuật ảnh hưởng đến lợi ích của doanh nghiệp. Mặc dù hầu hết doanh nghiệp đều thừa nhận vai trò quan trọng và sự cần thiết phát tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm nhưng đều lo ngại khi việc thực hiện quy định làm gia tăng chi phí, tăng trách nhiệm của doanh nghiệp. Ngoài ra, từ khi có Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP, nhiều doanh nghiệp đã không tiếp tục thực hiện Nghị định 09/2016/NĐ-CP trong khi Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP mới chỉ giao Bộ Y tế nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09/2016/NĐ-CP và Nghị định 09 vẫn còn hiệu lực toàn bộ, từ đó làm hiệu quả thi hành của Nghị định 09/2016/NĐ-CP bị giảm sút.

Bên cạnh đó, nhận thức của đa số doanh nghiệp và kể cả một số cơ quan, tổ chức vẫn coi các giải pháp cải thiện sức khỏe cộng đồng là trách nhiệm của ngành y tế, có thể thực hiện thông qua các biện pháp thuần túy về y tế nên chưa coi việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm là giải pháp cần thiết phải thực hiện với sự chung sức, đồng lòng của cả nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

Việc triển khai Nghị định chưa được chú trọng, quan tâm, đặc biệt là khâu tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thực hiện của nhiều cơ quan, tổ chức và địa phương. Do đó, hiệu quả tổ chức triển khai còn hạn chế.

### **III. Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định 09, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Nghị định và việc thực hiện các quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm**

#### **1. Tình hình, kết quả thực hiện**

Bộ Y tế đã giao các cơ quan chuyên môn xây dựng tài liệu về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm và những nội dung liên quan đến vai trò, tác dụng của thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng để làm cơ sở thực hiện công tác tuyên truyền. Bộ Y tế cũng đã xây dựng Kế hoạch 265/KH-ATTP ngày 21/2/2020 triển khai chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức về tăng cường vi chất vào thực phẩm cho các nhóm đối tượng: cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu vi chất dinh dưỡng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng dùng trong nước; cơ sở chế biến thực phẩm sử dụng muối và bột mỳ làm nguyên liệu sản xuất thực phẩm; người tiêu dùng.

Ngoài ra, tại Kế hoạch tháng hành động vì an toàn thực phẩm và Kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán và mùa lễ hội hàng năm, Bộ Y tế đều đề nghị các địa phương, Bộ, ban, ngành liên quan thực hiện, tuyên truyền các văn bản pháp luật bao gồm cả các nội dung của Nghị định số 09.

Qua công tác tuyên truyền, người dân đã được tăng cường nhận thức, kiến thức về tầm quan trọng của vi chất dinh dưỡng đối với sức khỏe. Nhiều người dân đã biết và lựa chọn các sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng trong tiêu dùng hằng ngày.

Mặc dù một số doanh nghiệp có những kiến nghị liên quan đến việc thực thi Nghị định số 09 nhưng theo kết quả khảo sát của Bộ Y tế: “Về nhận thức đối với mục đích tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm: 20/21 cơ sở tham gia khảo sát đều cho rằng việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm là tốt cho sức khỏe cộng đồng” (trích Báo cáo số 1495/BC-BYT ngày 28/12/2018). Tại Tọa đàm với Doanh nghiệp, hiệp hội sản xuất, kinh doanh thực phẩm, các doanh nghiệp đều nhất trí về tình trạng thiếu hụt vi chất dinh dưỡng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe người dân và việc tăng cường vi chất dinh dưỡng là tốt cho sức khỏe cộng đồng, nên tăng cường ở một số thực phẩm.

#### **2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Nghị định 09 và tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm vẫn còn chưa thường xuyên, chưa liên tục, phạm vi bao phủ còn hẹp. Công tác này chủ yếu do ngành y tế thực hiện và chưa có sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của các bộ, ngành, địa phương. Công tác truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng còn ít về thời lượng, chưa có tính chủ động. Ngoài ra, việc tuyên truyền hiện nay chủ yếu sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại (truyền hình, website...),

chưa đa dạng nên ở một số khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa thì khả năng tiếp nhận các thông tin còn gặp khó khăn.

Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại là do chưa có nguồn kinh phí thường xuyên, bền vững cho công tác này, chưa huy động được sự quan tâm, vào cuộc của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan báo chí. Nội dung truyền thông đa phần mới được lồng ghép trong truyền thông về y tế.

#### **IV. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm**

##### **1. Tình hình, kết quả thực hiện**

Từ khi ban hành Nghị định 09 đến nay, các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở ngành chưa tiến hành thanh tra, kiểm tra về việc thực hiện Nghị định 09. Công tác thanh tra, kiểm tra chủ yếu là về quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định chung của pháp luật về an toàn thực phẩm.

Bộ Y tế và liên bộ chỉ tổ chức một đợt khảo sát đối với 21 doanh nghiệp thuộc đối tượng thực hiện Nghị định 09. Do là hoạt động khảo sát, đánh giá nên dù phát hiện tình trạng có doanh nghiệp chưa tuân thủ quy định nhưng không tiến hành xử phạt.

Năm 2021, Viện Dinh dưỡng, Bệnh viện Nội tiết có tổ chức lấy mẫu kiểm nghiệm vi chất dinh dưỡng đối với một số sản phẩm thực phẩm đang lưu hành trên thị trường thuộc diện phải tăng cường vi chất dinh dưỡng cho kết quả kiểm nghiệm nhiều mẫu không đạt. Tuy nhiên, do là lấy mẫu thăm dò nên không kiến nghị xử lý.

Qua công tác tổng hợp tình hình xử phạt vi phạm hành chính, cho đến nay chưa có cơ sở nào bị xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến tăng cường vi chất dinh dưỡng.

##### **2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Sau khi Nghị định 09 ban hành, nhiều doanh nghiệp trong đó có các doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu tăng cường vi chất dinh dưỡng để sản xuất thực phẩm có kiến nghị. Lãnh đạo Chính phủ đã có chỉ đạo về việc không kiểm tra đối với các doanh nghiệp này. Trên cơ sở đó, Công văn 6134/BYT-PC ngày 27/10/2017 của Bộ Y tế về việc thực hiện ý kiến kết luận của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các địa phương, đơn vị trực thuộc chỉ kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất muối i-ốt, không kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có sử dụng muối i-ốt.

Trong quá trình thực hiện Nghị định 09, khi các cơ quan quản lý đi kiểm tra, khảo sát, đánh giá thì một số doanh nghiệp cũng chưa hợp tác hoặc từ chối tiếp đoàn.

Do đó, công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm gặp nhiều hạn chế, khó khăn.

## **Phần IV**

### **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 09**

#### **I. TÌNH HÌNH TĂNG CƯỜNG VI CHẤT DINH DƯỠNG VÀO THỰC PHẨM**

##### **1. Về thực hiện quy định muối dùng để ăn trực tiếp, dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường I-ốt**

###### ***1.1. Tình hình, kết quả thực hiện***

###### **a) Về việc tăng cường I-ốt vào muối**

Các cơ sở được khảo sát đều sử dụng  $KIO_3$  với hàm lượng tăng cường tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối I-ốt QCVN 9-1:2010/BYT và Thông tư số 44/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 ban hành “Danh mục vi chất dinh dưỡng sử dụng trong thực phẩm”.

Công nghệ trộn I-ốt vào muối tương đối đơn giản và sẵn có. Nguồn cung ứng  $KIO_3$  dễ dàng tìm được với số lượng đủ đáp ứng yêu cầu do có nhiều công ty thương mại nhập khẩu  $KIO_3$  từ Chile, Ấn Độ...

Giai đoạn đầu theo kết quả khảo sát năm 2018, sản lượng muối I-ốt tại các cơ sở là khoảng 2.500-3.000 tấn/năm, chiếm khoảng 7-15% tổng sản lượng muối chế biến của cơ sở tùy theo đơn đặt hàng của các cơ sở sản xuất thực phẩm mà cơ sở nhận được. Các sản phẩm chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nội địa (99%) và một số được xuất khẩu sang Nhật Bản, Hàn Quốc với tỉ lệ rất nhỏ (dưới 1%). Từ ngày 15/5/2018, sau khi nhận được thông tin liên quan đến việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09/2016/NĐ-CP, các cơ sở sản xuất muối báo cáo số các cơ sở sản xuất thực phẩm mua muối I-ốt giảm xuống và lượng muối I-ốt do các cơ sở sản xuất thực phẩm đặt mua bị giảm đi vì một số cơ sở sản xuất thực phẩm quay trở lại sử dụng muối không tăng cường I-ốt.

Giá thành của muối I-ốt khoảng 2.850.000 - 3.000.000 đồng/tấn, so với giá muối không I-ốt là 2.800.000 đồng/tấn, nghĩa là tăng khoảng 50.000 – 200.000 đồng/tấn. Giá thành tăng được tính dựa trên chi phí  $KIO_3$  và chi phí nhân công (nếu cơ sở sử dụng phương pháp trộn thủ công).<sup>7</sup>

###### **b) Về sử dụng muối I-ốt để sản xuất thực phẩm:**

---

<sup>7</sup> Tại cơ sở sử dụng đầu phun công nghiệp (chỉ mất chi phí  $KIO_3$ ): Chi phí  $KIO_3$  là 50.000-100.000 đồng/tấn muối nên giá chỉ tăng 2-4% cho phân I-ốt tăng cường. Tại cơ sở sử dụng phương pháp trộn thủ công: Ngoài chi phí  $KIO_3$  thì thêm chi phí nhân công là 100.000 đồng/tấn nên giá tăng khoảng 7%.

Muối I-ốt sử dụng trong sản xuất được các cơ sở mua từ các nguồn trong nước và nguồn nhập khẩu. Cũng có cơ sở mua muối tinh về để tự trộn I-ốt vào muối và sử dụng muối I-ốt để sản xuất tiếp.

Theo kết quả khảo sát năm 2018, các sản phẩm thực phẩm sử dụng muối I-ốt chỉ tiêu thụ tại thị trường nội địa và tỉ lệ các sản phẩm này chiếm 90-99% tổng sản lượng các sản phẩm sử dụng muối (tỉ lệ sản phẩm sử dụng muối để xuất khẩu là 1-10% tùy từng cơ sở).

Tất cả các cơ sở sản xuất thực phẩm được khảo sát (7/7 cơ sở) đều bắt đầu sử dụng muối I-ốt từ khi quy định bắt buộc tăng cường I-ốt vào muối tại Nghị định số 09/2016/NĐ-CP có hiệu lực (15/3/2017). Sau khi nhận được thông tin liên quan đến việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09/2016/NĐ-CP, 6/7 cơ sở tiếp tục sử dụng muối I-ốt và 01 cơ sở dừng sử dụng.

Hiện nay, toàn quốc có 72 cơ sở chế biến, kinh doanh muối, đa số các doanh nghiệp thực hiện chế biến và kinh doanh muối I-ốt.<sup>8</sup>

### ***1.3. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân***

Một số hiệp hội doanh nghiệp có các kiến nghị về khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, cụ thể:

- Đối với kiến nghị i-ốt gây ra thay đổi các đặc tính cảm quan của một số loại sản phẩm (biến màu, biến mùi, biến đổi chất lượng...) và không còn tồn tại hoặc còn rất ít trong một số sản phẩm thực phẩm cuối sau quá trình chế biến:<sup>9</sup>

Lo ngại này đã được nêu ra nhiều lần trong quá trình xây dựng Nghị định số 09/2016/NĐ-CP và nhiều nhà khoa học đã tiến hành nghiên cứu về tác động của muối I-ốt lên cảm quan của sản phẩm chế biến. Việc tăng cường I-ốt được quy định sử dụng  $KIO_3$  - đây là chất dạng bột tinh thể màu trắng, không mùi và chịu được nhiệt độ cao. Khảo sát thực tế cho thấy không thể phân biệt được thực phẩm sử dụng muối I-ốt và thực phẩm sử dụng muối không I-ốt. Trong số 79 công trình nghiên cứu cấp toàn cầu về tác động của tăng cường vi chất vào thực phẩm lên sự thay đổi chất lượng và cảm quan của của sản phẩm cũng như tác động của thực phẩm tăng cường vi chất lên sức khỏe, có 34 nghiên cứu về tác

---

<sup>8</sup> Công văn số 8764/BNN-QLCL ngày 23/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo đánh giá 05 năm thực hiện Nghị định 09/2016/NĐ-CP của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm

<sup>9</sup> Doanh nghiệp kiến nghị khi áp dụng quy định “Muối dùng để ăn trực tiếp, dùng trong CBTP phải được tăng cường I-ốt”, một số loại thực phẩm như sản phẩm thủy sản; rau củ quả sấy khô, thịt gia cầm sấy, các sản phẩm từ ngũ cốc sấy; thịt chế biến, các loại bột gia vị, bột chế biến sẵn để làm các loại bánh ngọt và dùng trong chế biến các loại thực phẩm; các sản phẩm ăn ngay, ăn liền... khi bổ sung I-ốt với tính chất là một chất oxi hóa mạnh, nếu bổ sung vào muối thường thì không có phản ứng nhưng khi bổ sung vào thực phẩm và trải qua quá trình chế biến với nhiệt, ẩm và bảo quản thì I-ốt dễ dàng phản ứng với các thành phần trong thực phẩm làm các sản phẩm bị biến mùi, vị, màu sắc, ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng sản phẩm; điều này càng làm gia tăng nhiều chi phí sản xuất, giá thành của sản phẩm nhưng thành phẩm sau cùng cũng không có hoặc chỉ có rất ít I-ốt (nội dung này được doanh nghiệp gửi các kết quả kiểm nghiệm sản phẩm của Công ty CP Acecook Việt Nam, Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ Súc Sản, Công ty TNHH Nam Phương V.N).

dụng của muối I-ốt trên 38 loại thực phẩm chế biến và kết quả cho thấy: Không có bằng chứng cho thấy việc sử dụng muối I-ốt trong sản xuất thực phẩm chế biến hoặc sản xuất gia vị gây ra những thay đổi bất lợi về cảm quan của người tiêu dùng hoặc chất lượng sản phẩm. Thực phẩm chế biến bằng muối I-ốt không thể phân biệt với thực phẩm được làm bằng muối không I-ốt. Do đó, sử dụng muối I-ốt trong sản xuất thực phẩm chế biến như một biện pháp đảm bảo dinh dưỡng I-ốt tối ưu mà không có nguy cơ ảnh hưởng đến tính chất cảm quan của thực phẩm.

Về ý kiến I-ốt không còn tồn tại hoặc còn rất ít trong một số sản phẩm thực phẩm cuối sau quá trình chế biến thì thực tiễn các nghiên cứu cho thấy các chất vi chất được tăng cường sẽ VẪN CÒN MỘT PHẦN chứ không biến mất hoàn toàn sau quá trình chế biến công nghiệp.<sup>10</sup> Mức hao hụt phụ thuộc vào công nghệ và quy trình chế biến, cũng như thời gian lưu kho bãi, nhưng hàm lượng vi chất cũng vẫn sẽ còn tồn tại ở các mức độ nhất định đủ để tích lũy khi người tiêu dùng sử dụng đa dạng các loại thực phẩm loại này góp phần bổ sung thêm cho phần i-ốt được ăn vào từ các nguồn sản phẩm cung cấp i-ốt chủ đạo, góp phần làm giảm tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng. Hao hụt vi chất dinh dưỡng sau quá trình chế biến, lưu thông là có thể chấp nhận được và lượng vi chất còn lại trong thực phẩm vẫn có ý nghĩa đối với sức khỏe cộng đồng. Ngay cả khi còn tồn tại lượng rất nhỏ thì khi người tiêu dùng được tiếp cận đa dạng thực phẩm có bổ sung i-ốt sẽ có tác dụng hơn là chỉ trong một số sản phẩm nhất định.<sup>11</sup>

- Đối với kiến nghị nhiều thực phẩm đã có sẵn I-ốt trong thành phần do nguyên liệu tự nhiên đã có sẵn I-ốt như nước mắm chế biến từ cá biển giàu i-ốt, do đó, không cần sử dụng muối có I-ốt để tránh tạo ra hàm lượng I-ốt cao trong thành phẩm và gia tăng thêm chi phí sản xuất:<sup>12</sup>

---

<sup>10</sup> Hàm lượng vi chất dinh dưỡng khi được tăng cường vào thực phẩm được tính bằng đơn vị miligam hoặc microgam - rất nhỏ. Do đó, khi các thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng này (muối I ốt, bột mỳ, dầu ăn) được sử dụng để làm nguyên liệu sản xuất các thực phẩm khác thì hàm lượng còn nhỏ hơn và các test kiểm nghiệm không đủ độ nhạy để phát hiện ra chứ không phải do I ốt biến đổi nên không thể phát hiện được. Tuy nhiên, WHO và UNICEF đã đưa bằng chứng rằng dù ở dạng vết nhưng nhiều loại thực phẩm thì vẫn có hiệu quả cung cấp I ốt cho nhu cầu của cơ thể ở mức tối thiểu, do nhu cầu vi chất dinh dưỡng là hằng định, hàng ngày nên cần được cung cấp đều đặn, thường xuyên.

<sup>11</sup> Một nghiên cứu tại Indonesia cho thấy, muối i-ốt trong mì ăn liền đóng góp lần lượt 19%, 12% và 6,5% lượng chất dinh dưỡng i-ốt khuyến nghị ở trẻ em tuổi đi học, phụ nữ trong độ tuổi sinh sản và phụ nữ mang thai, bên cạnh đóng góp từ muối i-ốt là 49% 48% và 28%. Như vậy, có thể thấy, việc bắt buộc bổ sung i-ốt trong chế biến thực phẩm là cần thiết và quá trình gia công không làm mất đi quá nhiều i-ốt.

<sup>12</sup> Doanh nghiệp cho rằng một số nhóm hàng sử dụng nguyên liệu chính là cá biển để chế biến đã rất giàu I-ốt tự nhiên như sản xuất nước mắm truyền thống của Việt Nam; việc bắt buộc phải dùng muối I-ốt để chế biến nước mắm không chỉ vừa gây tổn kém cho DN, làm biến đổi màu sắc, mùi vị của nước mắm truyền thống đang cần được giữ gìn, bảo tồn và phát huy mà còn không có lợi cho sức khỏe cộng đồng và khiến cho một số nước từ chối nhập khẩu (Nhật, Australia...), làm nước mắm Việt Nam thua chính trên sân nhà khi nước mắm Thái Lan được nhập và bán với giá rẻ hơn vì không phải tăng cường Iod (doanh nghiệp gửi kết quả kiểm nghiệm nước mắm không sử dụng muối bổ tăng cường Iod nhưng hàm lượng I-ốt trong nước mắm rất cao của Công ty CP Thương mại Khải Hoàn ở Phú Quốc).

Việc một số thực phẩm sử dụng nguyên liệu đã có sẵn thành phần i-ốt tự nhiên như cá biển là thực tế. Tuy nhiên, chỉ có một số rất ít thực phẩm nhất định và hàm lượng i-ốt thường chưa đủ mức liều khuyến cáo hoặc hàm lượng rất khác nhau tùy loại sản phẩm. Do đó, khi áp dụng các biện pháp can thiệp ở cấp cộng đồng thì cần tăng cường chủ động theo mức liều được tính toán một cách khoa học để bổ sung phần thiếu hụt và bảo đảm hiệu quả.

- Đối với kiến nghị các nước nhập khẩu không yêu cầu sử dụng muối I-ốt nên gây khó khăn trong quá trình sản xuất để xuất khẩu:

Theo kết quả khảo sát năm 2018 của Bộ Y tế, sản phẩm xuất khẩu chiếm tỷ lệ nhỏ so với thị trường nội địa. Trong đó, có một cơ sở sản xuất thực phẩm có tỷ lệ xuất khẩu cao nhất cũng chỉ chiếm 10% tổng sản lượng và tỉ lệ sản phẩm phải sử dụng muối và bột mỳ (chủ yếu là mỳ ăn liền) cũng chỉ chiếm khoảng 20% trong số 10% xuất khẩu này. Ngoài ra, nhiều quốc gia hiện nay đã bắt buộc sử dụng các loại vi chất dinh dưỡng khác nhau tăng cường vào thực phẩm trong đó có nhiều quốc gia là thị trường xuất khẩu của Việt Nam (trong khối ASEAN có Indonesia, Philippines) nên việc xuất khẩu sang các quốc gia này không khó khăn. Một số thị trường khác có khó khăn hơn khi xuất khẩu nhưng do phần lớn sản phẩm sản xuất ra tiêu thụ tại thị trường trong nước nên để đảm bảo lợi ích về sức khỏe cho người tiêu dùng Việt Nam thì việc ưu tiên sản xuất các sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng là cần thiết.

- Đối với kiến nghị giá thành muối I-ốt tăng so với muối không I-ốt là 2-7%:

Giá của muối I-ốt hiện tại là 2.850.000 – 3.000.000 đồng/tấn, so với giá muối không I-ốt là 2.800.000 đồng/tấn, nghĩa là tăng khoảng 50.000 – 200.000 đồng/tấn. Giá thành tăng được tính dựa trên chi phí  $KIO_3$  và chi phí nhân công (nếu cơ sở sử dụng phương pháp trộn thủ công), trong đó chi phí riêng cho  $KIO_3$  là 50.000-100.000 đồng/tấn muối. Việc tăng cường i-ốt góp phần to lớn để bảo vệ sức khỏe cộng đồng nên việc tăng chi phí vì lợi ích sức khỏe là phù hợp.

- Đối với kiến nghị của cơ sở sản xuất nước giải khát liên quan đến việc phải thay đổi công thức sản phẩm (đổi từ muối thành muối I-ốt) do nguyên liệu sản xuất chứa muối được phối trộn sẵn ở nước ngoài và nhập khẩu về Việt Nam:

Thực tế khảo sát cho thấy, đến thời điểm này doanh nghiệp đã khắc phục được do có kế hoạch đặt hàng trước ở nước ngoài và hiện đang tiến hành sản xuất bình thường.

**2. Về thực hiện quy định bột mỳ dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường sắt và kẽm**

### **2.1. Tình hình, kết quả thực hiện**

a) Về tăng cường sắt và kẽm vào bột mỳ:



Các cơ sở được khảo sát đều sử dụng sắt (III) pyrophosphat và oxid kẽm được trộn sẵn dưới dạng hỗn hợp sắt, kẽm, tuân thủ quy định tại Thông tư số 44/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 ban hành “Danh mục vi chất dinh dưỡng sử dụng trong thực phẩm”. Các hợp chất này không mùi và có màu trắng, tiếp màu với màu bột mỳ. Hiện nay, các cơ sở sản xuất bột mỳ đều dễ dàng tìm được nguồn cung ứng vi chất sắt, kẽm với số lượng đủ đáp ứng yêu cầu.

Công nghệ trộn sắt, kẽm vào bột mỳ tương đối đơn giản. Theo khảo sát, sắt, kẽm được tăng cường vào bột mỳ theo phương pháp trộn thủ công tương tự như sản xuất muối I-ốt (phần lớn cơ sở áp dụng) hoặc theo phương pháp bơm xoắn vít vi chất theo tốc độ sản xuất bột mỳ vào thành phẩm. Các cơ sở được khảo sát không gặp khó khăn trong công nghệ sản xuất bột mỳ sắt, kẽm.

Sản lượng bột mỳ sắt, kẽm của các cơ sở khác nhau, dao động từ 1 tấn cho tới 36.000 tấn (trong 3 tháng) chiếm từ dưới 1% tới 75% tùy theo đơn đặt hàng của các cơ sở sản xuất thực phẩm mà cơ sở nhận được. Các sản phẩm của cơ sở chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nội địa (80%) và một số được xuất khẩu sang Singapore, Thái Lan, Indonesia, Lào, Campuchia, Hong Kong với tỉ lệ từ 1 đến 20% tùy từng cơ sở. Từ ngày 15/5/2018, sau khi nhận được thông tin liên quan đến việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09/2016/NĐ-CP, các cơ sở sản xuất bột mỳ báo cáo phần lớn các cơ sở sản xuất thực phẩm chỉ yêu cầu mua bột mỳ không tăng cường sắt, kẽm, chỉ còn số ít khách hàng đang đặt hàng nguyên liệu là bột mỳ sắt, kẽm và lượng bột mỳ sắt, kẽm do các cơ sở sản xuất thực phẩm đặt mua giảm đi.

Giá thành của bột mỳ sắt, kẽm hiện tại là 9.035.000 – 9.070.000 đồng/tấn, so với giá bột mỳ thường là 9.000.000 đồng/tấn, nghĩa là tăng 35.000 – 70.000 đồng/tấn (tương đương 0,4 – 0,8%). Giá thành tăng được tính dựa trên chi phí sắt, kẽm, chi phí kiểm nghiệm hàm lượng sắt, kẽm trong bột mỳ.

b) Về sử dụng bột mỳ tăng cường sắt, kẽm để sản xuất thực phẩm:

Bột mỳ tăng cường sắt, kẽm sử dụng trong sản xuất thực phẩm được các cơ sở mua từ các nguồn trong nước và nguồn nhập khẩu.

Tỷ lệ các sản phẩm thực phẩm có sử dụng bột mỳ sắt, kẽm chiếm 90-99% tổng sản lượng các sản phẩm có sử dụng bột mỳ. 100% các sản phẩm thực phẩm sử dụng bột mỳ sắt, kẽm chỉ dùng để tiêu thụ tại thị trường nội địa (không xuất khẩu).

Tất cả các cơ sở sản xuất thực phẩm được khảo sát (5/5 cơ sở) đều bắt đầu sử dụng bột mỳ sắt, kẽm từ khi quy định bắt buộc tăng cường sắt, kẽm vào bột mỳ tại Nghị định số 09/2016/NĐ-CP có hiệu lực (15/3/2018). Sau khi nhận được thông tin liên quan đến việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số

09/2016/NĐ-CP, chỉ còn 01 cơ sở tiếp tục sử dụng bột mỳ sắt, kẽm và có 4/5 cơ sở dừng sử dụng.

## **2.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Một số hiệp hội doanh nghiệp có các kiến nghị về khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, cụ thể:

- Đối với kiến nghị quy định làm tăng chi phí nguyên liệu, chi phí quản lý, vệ sinh dây chuyền, chi phí sản xuất và tăng giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đến sản phẩm xuất khẩu:<sup>13</sup>

Giá thành bột mỳ sắt, kẽm tăng so với bột mỳ thường là 0,4-0,8%. Giá của bột mỳ sắt, kẽm hiện tại là 9.035.000 – 9.070.000 đồng/tấn, so với giá bột mỳ thường là 9.000.000 đồng/tấn, nghĩa là tăng 35.000 – 70.000 đồng/tấn. Giá thành tăng được tính dựa trên chi phí sắt, kẽm, chi phí kiểm nghiệm hàm lượng sắt, kẽm trong bột mỳ. Việc gia tăng chi phí của doanh nghiệp là khó khăn nhưng về ý nghĩa xã hội thì doanh nghiệp cần tiếp nhận chính sách và chia sẻ trách nhiệm với nhà nước trong nâng cao sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, việc gia tăng chi phí là vấn đề chung cho tất cả các doanh nghiệp kinh doanh cùng mặt hàng phải tăng cường vi chất nên giá thành sản phẩm có tăng cũng sẽ tăng đồng đều với toàn bộ các sản phẩm này và ít ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của các sản phẩm.

Theo kết quả khảo sát, sản phẩm xuất khẩu chiếm tỷ lệ nhỏ so với thị trường nội địa. Trong đó, có một cơ sở sản xuất thực phẩm có tỷ lệ xuất khẩu cao nhất cũng chỉ chiếm 10% tổng sản lượng và tỉ lệ sản phẩm phải sử dụng bột mỳ (chủ yếu là mỳ ăn liền) cũng chỉ chiếm khoảng 20% trong số 10% xuất khẩu này. Như vậy, phần lớn sản phẩm sản xuất ra tiêu thụ tại thị trường trong nước nên để đảm bảo lợi ích về sức khỏe cho người tiêu dùng Việt Nam thì việc ưu tiên sản xuất các sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng là cần thiết.

---

<sup>13</sup> Doanh nghiệp có sản xuất thực phẩm để xuất khẩu thì không thể sử dụng chung một nguyên liệu bột mì có tăng cường sắt và kẽm để vừa sản xuất sản phẩm nội địa và sản phẩm xuất khẩu vì vậy sẽ phát sinh thêm chi phí vệ sinh, quản lý việc xuất nhập, tăng chi phí sản xuất. Doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn từ khâu nhập nguyên liệu, vì Việt Nam phải nhập khẩu số lượng lớn bột mỳ từ các quốc gia khác. Ở các nước xuất khẩu bột mỳ không có quy định phải tăng cường sắt, kẽm vào bột nên khi các DN nhập khẩu đề nghị tăng cường thêm vi chất sắt, kẽm, thì không được nhà cung cấp chấp thuận hoặc phải trả giá rất cao để họ sản xuất đơn hàng riêng cho Việt Nam. Song song đó, các DN nhập hạt lúa mì để sản xuất bột mỳ trong nước phải tăng cường vi chất sắt, kẽm theo quy định Việt Nam làm giá thành cao hơn, trong khi bột mỳ không tăng cường vi chất được nhập khẩu từ các nước vào tiêu thụ tại thị trường Việt Nam thì giá thành rẻ hơn, dẫn đến tình trạng cạnh tranh không công bằng về giá cho các DN sản xuất bột mỳ trong nước ngay chính trên sân nhà. Ngoài ra, nếu DN sử dụng các loại bột mỳ nhập khẩu chưa tăng cường vi chất thì phải tiến hành phối trộn vi chất sắt, kẽm với hàng trăm tấn chứa tại các Silo trước khi đưa vào sản xuất, làm gia tăng rất lớn chi phí và giá thành của sản phẩm. Bên cạnh đó, doanh nghiệp gặp khó khăn trong quản lý sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm vì liên tục chuyển đổi giữa việc sản xuất sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng và sản phẩm không tăng cường vi chất. Các sản phẩm khác nhau được sản xuất trên cùng một hệ thống dây chuyền sản xuất dẫn đến gia tăng rủi ro về nhiễm chéo, lãng phí thời gian và nhân công dùng máy và chi phí vệ sinh dây chuyền.

- Về ý kiến một số sản phẩm từ bột mì có tăng cường sắt và kẽm, thành phẩm bị biến màu, nguyên nhân có thể là do sắt 2 bị oxi hóa thành sắt 3, ảnh hưởng nhiều đến chất lượng của sản phẩm, đặc biệt đối với những sản phẩm lên men như bánh mì,... sau quá trình lên men hàm lượng sắt, kẽm sẽ giảm đi so với ban đầu:

Pyrophosphate sắt và oxid kẽm được sử dụng để tăng cường vào bột mì là các hợp chất có màu trắng, tiếp màu hoàn hảo với bột mì nên không biến màu.

Qua khảo sát tại một cơ sở sản xuất mì ăn liền chế biến từ bột mì sắt, kẽm có màu vàng đậm hơn so với làm từ bột mì không tăng cường sắt, kẽm nhưng sự thay đổi này là rất nhỏ và người tiêu dùng hầu như không phân biệt được, không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Việc giảm hàm lượng sắt, kẽm trong quá trình chế biến đều ở mức chấp nhận được và vẫn có giá trị đối với sức khỏe cộng đồng.

- Một số doanh nghiệp cho rằng nguồn cung ứng vi chất phải nhập khẩu nên doanh nghiệp bị động, thậm chí gây gián đoạn trong sản xuất (thời gian nhập khẩu mất từ 8-12 tuần).<sup>14</sup> Tuy nhiên, khi doanh nghiệp chủ động lập kế hoạch thì việc nhập khẩu nguyên liệu hoàn toàn có đủ nguồn cung từ các thị trường sẵn có.

- Về ý kiến Việt Nam không trồng lúa mì, bột mì cũng chiếm tỷ lệ nhỏ trong khẩu phần ăn mà lại bắt tăng cường sắt, kẽm cho bột mì là không phù hợp với quốc tế, làm gia tăng chi phí cho doanh nghiệp:

Bột mì là nguyên liệu thực phẩm mang vi chất tốt nhất, việc tăng cường đơn giản nhất, được sản xuất tập trung và giá thành rẻ nhất trong các ngũ cốc hiện nay. Việc tăng cường sắt, kẽm, axit folic vào bột mì đã được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới và Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm từ các nước này.

Bên cạnh đó, lượng tiêu thụ bột mì tại Việt Nam đang tăng mạnh. Theo Tổ chức lương thực thế giới (FAO) cho biết tiêu thụ bột mì tăng gấp 3 lần từ năm 1992 đến 2005. Theo Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, tiêu thụ bột mì tăng lên mức 1,21 triệu tấn trong năm 2005 và tiếp tục tăng với tỉ lệ 6-9% một năm. Tiêu thụ bột mì tăng lên ở tất cả các nhóm dân số theo vùng sinh thái và tình trạng kinh tế xã hội. Điều tra toàn quốc của Viện Dinh dưỡng cho thấy tỷ lệ mua các thực phẩm sản xuất từ bột mì (mỳ tôm, bánh mì, các loại bánh có nguyên liệu bột mì...) ở hộ nghèo là 43%, hộ cận nghèo là 54%, hộ trung bình là 59%. Nghiên cứu của ADB và Viện Dinh dưỡng năm 2002 cho thấy tỷ lệ ăn mỳ tôm hàng ngày ở một số vùng nông thôn nghèo là 15-20%, và tỷ lệ này ngày

---

<sup>14</sup> Báo cáo đánh giá 05 năm thực hiện Nghị định số 09/2016/NĐ-CP kèm theo Công văn số 8713/BCT-KHCN ngày 31/12/2021.

càng tăng lên.<sup>15</sup> Do vậy, bột mì là loại thực phẩm phù hợp tăng cường sắt, kẽm cho người nghèo.

- Về ý kiến tình trạng thiếu sắt, kẽm phổ biến nhiều ở vùng nông thôn, vùng núi, trong khi những vùng này lại rất ít sử dụng bột mì so với thành phố. Do vậy, việc bắt buộc bột mì tăng cường sắt, kẽm rõ ràng là thiếu hiệu quả và đi ngược lại nguyên tắc quản lý rủi ro. Bổ sung sắt kẽm bằng các viên bổ sung, vi chất như viên sắt, viên kẽm là đơn giản, hiệu quả và kinh tế hơn nhiều (ví dụ như viên sắt cho phụ nữ có thai được sử dụng phổ biến, giá rẻ và phát huy tính hiệu quả cao trong thời gian qua):

Tỷ lệ người Việt Nam thiếu vi chất như sắt, kẽm vẫn rất cao. Theo kết quả tổng điều tra dinh dưỡng quốc gia 2019-2020, tỷ lệ thiếu kẽm ở phụ nữ có thai là 63,5%, ở trẻ em dưới 5 tuổi là 58,0%; tỷ lệ thiếu máu do thiếu sắt trẻ em dưới 5 tuổi là 19,6%, phụ nữ là có thai là 25,6% và ở phụ nữ tuổi sinh đẻ là 16,2%. Do vậy, việc tăng cường sắt, kẽm vào bột mì là cần thiết nhằm giải quyết vấn đề thiếu hụt vi chất dinh dưỡng trong cộng đồng.

Việc tăng cường sắt, kẽm vào bột mì cũng phù hợp với thông lệ quốc tế. Theo số liệu của Fortification data, hiện có 90 quốc gia có quy định bắt buộc về việc tăng cường một hoặc một vài vitamin và khoáng chất vào bột mì. Cũng theo tổ chức này, năm 2019 có 85 quốc gia bắt buộc ít nhất một loại hạt ngũ cốc (ngô, gạo hoặc lúa mì) được tăng cường sắt và axit folic, và hơn 40 quốc gia bắt buộc tăng cường dầu ăn, bơ thực vật và/hoặc đường với vitamin A và/hoặc vitamin D.

Nghiên cứu cho thấy, để giảm tình trạng thiếu vi chất trong cộng đồng thì cần có chính sách tăng cường các vi chất này trong nhiều nhóm sản phẩm thiết yếu mà người dân hay sử dụng như: muối, bột mì, gạo, dầu ăn, đường, gạo ... để việc tăng cường đạt hiệu quả về mặt sức khỏe trên quy mô cộng đồng.

**3. Về thực hiện quy định dầu thực vật có chứa một trong các thành phần dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hạt cải và dầu lạc phải tăng cường vitamin A (trừ dầu thực vật dùng trong chế biến thực phẩm theo phương pháp công nghiệp)**

### ***3.1. Tình hình, kết quả thực hiện***

Các cơ sở được khảo sát đều sử dụng retinyl palmitate với hàm lượng tăng cường tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng QCVN 9-2:2010/BYT và Thông tư số 44/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 ban hành “Danh mục vi chất dinh dưỡng sử dụng trong thực

---

<sup>15</sup> Theo Hiệp hội Mì ăn liền thế giới (WINA), Việt Nam hiện đứng thứ 3 về tiêu thụ mì gói trong năm 2020. 7 tỷ gói mì đã được tiêu thụ ở Việt Nam năm 2020 - tăng 29,47% so với năm 2019. Tính theo bình quân đầu người, Việt Nam cũng đang đứng thứ 2 thế giới khi mỗi người tiêu thụ khoảng hơn 72 gói mì/năm, chỉ xếp sau Hàn Quốc.

phẩm”. Vi chất tăng cường không làm ảnh hưởng tới màu sắc, mùi, vị của sản phẩm. Hiện nay, các cơ sở sản xuất dầu ăn đều dễ dàng tìm được nguồn cung ứng vitamin A với số lượng đủ đáp ứng yêu cầu.

Vitamin A được phối trộn vào dầu ăn tại công đoạn cuối cùng, trước khi đưa vào bể rót chai. Các cơ sở được khảo sát không gặp khó khăn trong công nghệ sản xuất dầu ăn vitamin A.

Tất cả các sản phẩm dầu thực vật đóng chai chứa một trong các thành phần dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hạt cải và dầu lạc đều được tăng cường vitamin A. Sản lượng trong 9 tháng (tính từ khi quy định bắt buộc tăng cường vitamin A vào dầu ăn tại Nghị định số 09/2016/NĐ-CP có hiệu lực) là từ 36.000 tấn tới 153.000 tấn, chiếm từ 82% cho tới 90% sản lượng dầu ăn được sản xuất tại cơ sở (trừ dầu oliu và các sản phẩm chất béo dùng trong chế biến công nghiệp). Các sản phẩm chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nội địa (99-100%) và một số được xuất khẩu sang Lào, Campuchia, Đài Loan, Mông Cổ, Úc với tỉ lệ nhỏ (dưới 1%). Theo báo cáo của Công ty CALOFIC (cơ sở có các sản phẩm chủ đạo là các sản phẩm dầu đóng chai thương hiệu Neptune, Meizan, Simply, Cái Lân, Orchid): sản phẩm dầu được công ty tăng cường vitamin A như theo quy định trên tổng lượng sản phẩm 125.479 là trên 50 % trung bình năm. Sản lượng sản xuất trung bình hàng năm khoảng 300 nghìn tấn sản phẩm. Thị phần chính của công ty là thị trường Việt Nam, chiếm khoảng 50 - 52% thị phần dầu ăn đóng chai của cả nước và có xuất khẩu các sản phẩm dầu sang thị trường Lào, Campuchia, các thị trường khó tính hơn như Châu Âu, Nhật Bản, Úc và Đài Loan.

Chi phí tăng cường vitamin A là 100 đồng/chai song giá thành sản phẩm vẫn giữ cố định hoặc tăng ít do công ty thỏa thuận với cơ sở phân phối, bán lẻ.

### ***3.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân***

Một số công ty phản ánh khó khăn vướng mắc như sau:

Nguồn phụ gia trong nước đặc biệt là Vitamin phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu, nguyên liệu sản xuất Vitamin A chỉ có 1-2 công ty lớn hiện nay trên thế giới sản xuất như BASF. Vì vậy, sẽ ảnh hưởng tới việc thực thi theo quy định khi nguồn cung ảnh hưởng như ảnh hưởng của hoạt động xuất nhập khẩu trong giai đoạn dịch bệnh vừa qua.

Mặt hàng dầu ăn trên thị trường VN cũng như trên thế giới là hàng tiêu dùng thông thường đóng gói bởi bao bì chai nhựa vì vậy không phù hợp trong việc lưu trữ bảo quản các loại vitamin đặc biệt Vitamin A loại ảnh hưởng và phân hủy bởi ánh sáng tự nhiên đến 70-80% sau 6 tháng. Tuy nhiên, nội dung này các doanh nghiệp chưa có kết quả kiểm nghiệm cụ thể. Kết quả kiểm nghiệm của Viện Dinh dưỡng Quốc gia cho thấy trong điều kiện nhiệt độ bình thường

sau 02 năm thì hàm lượng Vitamin A trong sản phẩm chứa hàm lượng thấp nhất vẫn còn trên 80%.

Hiện nay QCVN cho dầu ăn thực vật tăng cường Vitamin A chưa có. Doanh nghiệp đồng thời phải thực hiện các quy định trước đó như QCVN cho sản phẩm thực phẩm bổ sung vi chất, chưa có hướng dẫn rõ ràng trong vấn đề ghi nhãn thực phẩm theo quy định sản phẩm bổ sung hay sản phẩm tăng cường theo Nghị định.

Ngoài ra, việc tăng cường vitamin A chỉ áp dụng đối với các loại dầu thực vật có chứa một trong các thành phần dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hạt cải và dầu, trừ dầu thực vật dùng trong chế biến thực phẩm theo phương pháp công nghiệp. Tuy nhiên, khái niệm "dầu thực vật dùng trong chế biến thực phẩm theo phương pháp công nghiệp" chưa cụ thể nên việc áp dụng quy định này gặp khó khăn trong việc phân định "phương pháp công nghiệp" hay "quy mô công nghiệp". Đồng thời, việc quy định loại trừ thực vật dùng trong chế biến thực phẩm theo phương pháp công nghiệp tạo sự không bình đẳng cho các cơ sở chế biến thực phẩm thủ công.

Bên cạnh đó, có nguy cơ tồn dư vitamin A không mong muốn khi chuyển đổi sản phẩm bắt buộc tăng cường và không bắt buộc tăng cường trên cùng một dây chuyền trong sản xuất.

- Hiện nay, rất nhiều công ty sản xuất thực phẩm có sử dụng dầu thực vật để làm nguyên liệu trong quá trình chế biến thực phẩm tại công ty, theo đó, trong quy trình công nghệ chế biến sản phẩm thực phẩm, dầu thực vật không cần phải bổ sung vitamin A. Vì vậy, nếu tất cả các sản phẩm dầu (có thành phần là dầu cọ, dầu lạc, dầu nành) đều bổ sung vitamin A thì các công ty không thể chủ động được nguồn nguyên liệu dầu thực vật không có vitamin A đầu vào đáp ứng quy trình công nghệ sản xuất tại đơn vị, gây khó khăn trong quá trình triển khai sản xuất.

Đối với những khó khăn, vướng mắc nêu trên theo phản ánh của doanh nghiệp các bộ, ngành cần chủ động phối hợp tạo điều kiện và phân công các đơn vị chuyên môn, khoa học cùng hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp.

## **II. Công tác quản lý sản xuất, kinh doanh vi chất dinh dưỡng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng**

**1. Về quản lý, sử dụng vi chất dinh dưỡng bắt buộc tăng cường vào thực phẩm (bao gồm I-ốt, sắt, kẽm và vitamin A):** *Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi chất dinh dưỡng (hoặc quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm); cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với vi chất dinh dưỡng sản xuất trong nước và nhập khẩu, xác nhận nội dung quảng cáo đối với vi chất dinh*

*dưỡng; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vi chất dinh dưỡng*

### **1.1. Tình hình, kết quả thực hiện**

Theo phân công trách nhiệm quản lý nhà nước, Bộ Y tế có trách nhiệm quản lý đối với vi chất dinh dưỡng i-ốt, sắt, kẽm, Vitamin A được tăng cường vào thực phẩm. Bộ Y tế đã ban hành các quy định và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi chất dinh dưỡng bổ sung vào thực phẩm<sup>16</sup>. Khi triển khai thực hiện Nghị định 09, việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm áp dụng theo các quy chuẩn này.

Đối với vi chất dinh dưỡng nhập khẩu: Hiện nay, theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, các vi chất dinh dưỡng nhập khẩu về làm nguyên liệu sản xuất thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức thì được miễn thủ tục tự công bố sản phẩm và thủ tục kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu. Do đó, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm đối với sản phẩm nguyên liệu này. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra các sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế, nếu phát hiện doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, sử dụng vi chất dinh dưỡng trái với quy định thì Cục An toàn thực phẩm sẽ xử lý vi phạm theo quy định.

Đối với các vi chất dinh dưỡng sản xuất, kinh doanh trong nước: Theo số liệu thống kê thì hiện nay chưa có doanh nghiệp nào đăng ký sản xuất mặt hàng này trong nước.

Ngoài ra, các vi chất dinh dưỡng sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu về làm nguyên liệu sản xuất thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng – phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức thì được miễn thủ tục tự công bố sản phẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Do đó, không có số liệu về số lượng sản phẩm vi chất dinh dưỡng sử dụng làm nguyên liệu sản xuất thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

### **1.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Phần lớn các quy chuẩn kỹ thuật được ban hành trước thời điểm ban hành Nghị định 09 và dùng cho các sản phẩm có bổ sung vi chất dinh dưỡng chủ động theo nhu cầu sản phẩm của doanh nghiệp và nhu cầu thị trường. Do vậy, cần tiếp tục rà soát và bảo đảm thống nhất phạm vi áp dụng đối với cả sản phẩm thực phẩm bổ sung và tăng cường vi chất dinh dưỡng.

---

<sup>16</sup> Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng QCVN 9-2:2010/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các chất được sử dụng để bổ sung kẽm vào thực phẩm QCVN 3-1:2010/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các chất được sử dụng để bổ sung sắt vào thực phẩm QCVN 3-3:2010/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các chất được sử dụng để bổ sung iod vào thực phẩm QCVN 3-6:2011/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với vitamin A để bổ sung vào dầu thực vật QCVN 3-7:2019/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối I-ốt QCVN 9-1:2011/BYT.

**2. Về quản lý thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng:** *Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng nhập khẩu, xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.*

### **2.1. Tình hình, kết quả thực hiện**

Bộ Công Thương được phân công trách nhiệm quản lý đối với sản phẩm bột mì và dầu thực vật. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được phân công trách nhiệm quản lý đối với sản phẩm muối.

**a) Đánh giá việc thực hiện trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác quản lý an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu muối tăng cường vi chất dinh dưỡng**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện quản lý an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu muối I - ốt; thực hiện thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh muối I - ốt theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thực hiện kiểm tra an toàn thực phẩm đối với muối I - ốt theo quy định tại Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Việc tổ chức xác nhận nội dung quảng cáo đối với muối tăng cường vi chất dinh dưỡng thuộc phạm vi quản lý; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh muối tăng cường vi chất dinh dưỡng:

- Giai đoạn trước khi Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) có hiệu lực:

Bộ Y tế thực hiện quản lý sản phẩm muối I-ốt, thực hiện xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm muối I-ốt, thực hiện xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm muối I-ốt theo quy định Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm hàng hóa dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh muối tăng cường vi chất dinh dưỡng theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-



BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm...

- Giai đoạn từ khi Nghị định số 15/2018/NĐ-CP có hiệu lực:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ quản lý đối với sản phẩm muối I-ốt thực hiện thẩm định và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh muối I-ốt theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; kiểm tra an toàn thực phẩm muối I-ốt nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

**b) Đánh giá việc thực hiện trách nhiệm của Bộ Y tế trong công tác quản lý sản xuất, kinh doanh vi chất dinh dưỡng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng**

- Giai đoạn trước khi ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (từ ngày 28/01/2016 đến ngày 02/02/2018): Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm cho: 29 sản phẩm muối tăng cường I-ốt; 18 sản phẩm dầu ăn tăng cường vitamin A và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo cho 15 sản phẩm vi chất dinh dưỡng và 02 sản phẩm dầu ăn bổ sung vitamin A.

- Giai đoạn sau khi ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (từ ngày 02/02/2018 đến nay): Cục An toàn thực phẩm chưa cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu vi chất dinh dưỡng dùng để tăng cường vào thực phẩm, muối tăng cường I-ốt, bột mỳ tăng cường sắt, kẽm và dầu ăn tăng cường vitamin A do không có doanh nghiệp đăng ký tại Cục. Đồng thời, từ ngày 02/02/2018 thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, các thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng (muối, dầu ăn, bột mỳ) thuộc đối tượng tự công bố sản phẩm và hồ sơ tự công bố được nộp đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ định, không thuộc đối tượng quản lý tại Bộ Y tế. Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, các sản phẩm vi chất dinh dưỡng và các thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng không thuộc diện phải đăng ký nội dung trước khi quảng cáo.

- Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi chất dinh dưỡng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng: Hiện nay chưa có quy chuẩn kỹ thuật

cho thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng mà chỉ có quy chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng.

### **c) Đánh giá việc thực hiện trách nhiệm của Bộ Công Thương trong công tác quản lý sản xuất, kinh doanh vi chất dinh dưỡng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng**

Ngay khi Nghị định số 09 được ban hành, Bộ Công Thương đã tổ chức triển khai nhiệm vụ theo quy định cho các sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương: quản lý công tác đăng ký bản tự công bố sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm...

Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương. Các sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng không thuộc đối tượng phải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật riêng để quản lý.

Trong quá trình thực hiện, Bộ Công Thương có Công văn giải đáp, trả lời đơn vị kịp thời khi có vướng mắc phát sinh. Đồng thời, qua các đợt hậu kiểm, kiểm tra an toàn thực phẩm,... Bộ đã hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Nghị định 09 cho các đơn vị có liên quan.

#### **2.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Việc quản lý thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng vẫn coi là sản phẩm hàng hóa thông thường, phần lớn địa phương chưa có sự quan tâm, đơn đốc triển khai.

### **3. Về quản lý an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng**

#### **3.1. Tình hình, kết quả thực hiện**

Công tác quản lý an toàn thực phẩm được thực hiện theo các quy định của Luật An toàn thực phẩm và các Nghị định, Thông tư. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp có trách nhiệm tuân thủ các quy định về điều kiện bảo đảm an toàn đối với cơ sở và bảo đảm chất lượng sản phẩm theo hồ sơ đăng ký công bố/tự công bố.

#### **3.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Phần lớn sản phẩm thực phẩm sử dụng nguyên liệu tăng cường vi chất dinh dưỡng đều thuộc diện miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu.

Các sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng được quản lý theo hình thức tự công bố nên việc hậu kiểm an toàn thực phẩm còn khó khăn. Kinh phí cho công tác thanh tra, kiểm tra, lấy mẫu còn hạn chế.

Việc miễn kiểm tra đối với doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu tăng cường vi chất dinh dưỡng sản xuất thực phẩm làm giảm hiệu lực, hiệu quả của Nghị định 09.

Kết quả khảo sát một số sản phẩm lưu hành trên thị trường cho thấy nhiều sản phẩm không đạt hàm lượng vi chất dinh dưỡng theo yêu cầu (phụ lục kèm theo).

## **Phần V. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TĂNG CƯỜNG VI CHẤT DINH DƯỠNG VÀO THỰC PHẨM QUA MỘT SỐ CHỈ SỐ VÀ XU HƯỚNG TOÀN CẦU VỀ TĂNG CƯỜNG VI CHẤT DINH DƯỠNG VÀO THỰC PHẨM**

### **I. Các chỉ số liên quan đến tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm sau 5 năm thực hiện Nghị định tại Việt Nam**

#### **1. Các chỉ số sức khỏe liên quan đến vi chất dinh dưỡng tại Việt Nam**

Theo báo cáo 2021 của Mạng Lưới Toàn cầu về Phòng Chống các rối loạn do thiếu i-ốt, Việt Nam đang nằm trong nhóm 26 nước còn lại trên thế giới bị thiếu i-ốt. Kết quả cuộc Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2019 do Viện dinh dưỡng quốc gia, Bộ Y tế tiến hành đã chỉ ra mức i-ốt niệu trung vị của nhóm phụ nữ có thai, giảm từ 122 µg/L năm 2006 xuống 83 µg/L năm 2009 và giữ nguyên ở mức rất thấp 83.4 µg/L vào năm 2019, thấp hơn rất nhiều so với tiêu chuẩn tối thiểu toàn cầu là 150µg/L. Ngoài ra, chỉ còn 30% hộ gia đình ở Việt Nam sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh. Điều này thực sự đáng báo động.

Cuộc Tổng điều tra dinh dưỡng Quốc gia 2019 cũng chỉ ra tình trạng thiếu kẽm ở mức có ý sức khỏe cộng đồng, đặc biệt trầm trọng trong nhóm phụ nữ mang thai là 63% và trẻ em dưới 5 tuổi là 58%. Thiếu máu do thiếu sắt ở trẻ em dưới 5 tuổi là 53.2% và phụ nữ có thai là 50.3%.

Cụ thể các thông tin về Kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2020 như sau:

a) Tình trạng thiếu I-ốt: tỷ lệ bướu cổ trẻ em 8-12 tuổi là 9,8%. Tỷ lệ này cao gấp gần 2 lần so với khuyến nghị của Tổ chức Y tế thế giới (<5%) và cao gấp gần 3 lần so với số liệu năm 2005 của Việt Nam (là 3,6%) khi tuyên bố thanh toán tình trạng bướu cổ và các rối loạn do thiếu I-ốt. Với tỷ lệ như vậy, Việt Nam đang bị mạng lưới toàn cầu về I-ốt đánh giá là một trong 26 quốc gia có tình trạng thiếu I-ốt tồi tệ nhất trên thế giới<sup>17</sup>. Thiếu hụt I-ốt là nguyên nhân

<sup>17</sup> Báo cáo IGN 2021 report label 26 countries-danh sách 26 nước trên thế giới bị thiếu I ốt (truy cập ngày 30/11/2021.

chính dẫn đến mất khả năng trí tuệ ở trẻ em, thai chết lưu và sảy thai ở phụ nữ, gây ra các rối loạn khác như bệnh bướu cổ, đần độn.

Kết quả tổng điều tra về dinh dưỡng năm 2020 điều tra dinh dưỡng toàn quốc tại 6 vùng sinh thái với 2.554 hộ gia đình cho thấy 66,3% số hộ gia đình sử dụng muối có hàm lượng I ốt thấp hơn 20ppm, 23,9% số hộ gia đình sử dụng muối có hàm lượng I ốt nằm trong khoảng 20-40 ppm và có 9,8% số hộ gia đình sử dụng muối có hàm lượng I ốt trên 40 ppm. Trên toàn quốc, độ bao phủ muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh giảm từ 92,3% năm 2005 xuống còn 44,1% năm 2014 và xuống còn 33,7% năm 2020. Điều tra năm 2020 cho thấy tất cả các nhóm đối tượng mức trung vị i-ốt niệu đều thấp hơn so với tiêu chuẩn toàn cầu.<sup>18</sup> Sự thiếu hụt này xảy ra ở tất cả các vùng sinh thái, ngay cả vùng ven biển miền Trung. Dựa theo khuyến nghị của Tổ chức y tế thế giới, thì 60,2% số hộ gia đình sử dụng muối có hàm lượng I ốt không đạt tiêu chuẩn phòng bệnh. Điều này theo WHO và UNICEF thực sự đáng báo động.<sup>19</sup>

b) Tình trạng thiếu sắt: Tỷ lệ thiếu sắt là 50.3% đối với phụ nữ mang thai và 52.3% đối với trẻ em dưới 5 tuổi. Tỷ lệ thiếu máu có xu hướng giảm nhưng chưa đạt so với Mục tiêu của Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng 2011 - 2020, đặc biệt có khác biệt giữa các vùng miền.<sup>20</sup> Thiếu sắt gây thiếu máu dinh dưỡng làm tăng nguy cơ tử vong mẹ, phát triển thai nhi kém, suy yếu phát triển nhận thức, vận động ở trẻ em cũng như giảm năng suất lao động ở người lớn.

c) Tình trạng thiếu kẽm: tỷ lệ thiếu kẽm ở phụ nữ có thai là 80,3%, phụ nữ trong lứa tuổi sinh đẻ là 63,6%, và trẻ em là 69%. Kết quả điều tra vi chất năm 2019-2020 cho thấy tỷ lệ thiếu kẽm ở cộng đồng đặc biệt là trẻ em và phụ nữ có thai dù đã giảm nhưng vẫn còn rất cao, ở mức có ý nghĩa cộng đồng rất nặng ở tất cả các vùng trong cả nước (63,5% ở phụ nữ có thai, 58,0% ở trẻ em). Trong đó, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi thiếu kẽm cao nhất ở miền núi phía Bắc chiếm 67,7% và Tây Nguyên chiếm 66,6%. Tỷ lệ thiếu kẽm ở phụ nữ có thai rất cao ở miền núi phía Bắc lên tới 81,9%. Thiếu kẽm làm tăng tỷ lệ mắc tiêu chảy, nguy cơ nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính và tử vong trẻ em.

d) Tình trạng thiếu vitamin A: Kết quả điều tra thiếu vi chất dinh dưỡng toàn quốc năm 2014-2015 cho thấy: tỷ lệ thiếu vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em dưới 5 tuổi là 13,1% và tỷ lệ vitamin A trong sữa mẹ thấp vẫn ở mức 35%. Tổ

---

<sup>18</sup> Mức trung vị I ốt niệu ở trẻ em 5-9 tuổi là 112,6 µg/l, ở phụ nữ 15-49 tuổi là 99,1 µg/l, ở phụ nữ có thai là 83,4 µg/l, ở bà mẹ cho con bú là 88,1 µg/l, thấp hơn nhiều so với tiêu chuẩn toàn cầu là 150 µg/l.

<sup>19</sup> Trích thư kêu gọi đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 09/2016/NĐ-CP về bổ sung vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm của WHO và UNICEF ngày 30/11/2021.

<sup>20</sup> Tỷ lệ thiếu máu có xu hướng giảm nhưng so với Mục tiêu của Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng 2011 - 2020 đề ra thì việc giảm tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em hiện xấp xỉ 20% và phụ nữ có thai 25.6% còn chưa đạt, đặc biệt có khác biệt giữa các vùng miền (thiếu máu ở trẻ em 6-59 tháng tuổi tại vùng miền núi phía Bắc và Tây Nguyên vẫn cao với các mức 23,4% và 26,3%).

chức Y tế Thế giới vẫn xếp Việt Nam vào danh sách 19 nước có tình trạng thiếu vitamin A tiền lâm sàng mức độ nặng (trên 10% trẻ dưới 5 tuổi).

Kết quả tổng điều tra dinh dưỡng năm 2020 cho thấy: Tỷ lệ thiếu vitamin A tiền lâm sàng ở nhóm trẻ 6-59 tháng tuổi trên cả nước giảm xuống 9,5% - ở mức ý nghĩa sức khỏe cộng đồng nhẹ và đạt mục tiêu của chiến lược dinh dưỡng 2011-2020, nhưng khu vực Miền núi phía Bắc (13,8%) và Tây nguyên (11,0%) vẫn ở mức trung bình về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng.<sup>21</sup> Tuy nhiên, vùng Tây Nguyên (11,0%) và miền núi phía Bắc (13,8%) tỷ lệ này ở trẻ em dưới 5 tuổi vẫn có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng ở mức vừa. Năm 2020, ở hầu hết các vùng sinh thái tỷ lệ thiếu vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em dưới 5 tuổi đều giảm so với năm 2015 (từ 13,1% xuống 9,5%). Tỷ lệ vitamin A trong sữa mẹ thấp, giảm rõ rệt trong năm 2020 so với năm 2015 từ 35% xuống 18,3%. Thiếu vitamin A làm giảm sức đề kháng của cơ thể đối với bệnh tật, ảnh hưởng đến tăng trưởng và phát triển. Thiếu vitamin A ở mức độ nặng sẽ gây nên các tổn thương ở mắt, được gọi là bệnh “khô mắt”, nếu không điều trị kịp thời sẽ dẫn đến hậu quả mù vĩnh viễn.

Ngoài ra, một số vi chất dinh dưỡng khác cũng đang bị thiếu hụt như axit folic, vitamin D, vitamin B1, vitamin K..., tuy nhiên 4 vi chất dinh dưỡng I-ốt, sắt, kẽm, vitamin A đang bị thiếu hụt một cách đáng báo động tới mức có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng, cần phải có can thiệp để giải quyết vấn đề này.

Như vậy, qua 5 năm triển khai Nghị định 09, tình trạng thiếu hụt vi chất dinh dưỡng trong cộng đồng vẫn còn cao và cần có giải pháp để tăng cường hiệu quả can thiệp toàn diện ở cấp độ cộng đồng thông qua việc tăng cường thực hiện Nghị định 09.

### **3. Hậu quả về sức khỏe, xã hội của việc thiếu vi chất dinh dưỡng**

Vi chất dinh dưỡng là các vitamin, khoáng chất hoặc chất vi lượng khác đóng vai trò rất quan trọng và cần thiết cho sự tăng trưởng, phát triển và duy trì sự sống cho cơ thể con người. Thiếu vi chất dinh dưỡng gây ra những ảnh hưởng xấu tới sức khỏe, tới phát triển thể chất, trí tuệ nhưng con người không tự cảm nhận được sự thiếu hụt này. Do đó, nạn thiếu vi chất dinh dưỡng còn có tên gọi là “nạn đói tiềm ẩn”.

Các vi chất dinh dưỡng như I-ốt, sắt, kẽm, vitamin A... rất cần thiết đối với cơ thể con người. Thiếu hụt I-ốt là nguyên nhân chính dẫn đến chậm phát triển trí tuệ ở trẻ em, bướu cổ sơ sinh, gây đẻ non, thai chết lưu, sảy thai ở phụ nữ. Thiếu sắt gây thiếu máu, làm tăng nguy cơ tử vong mẹ, phát triển thai nhi kém, suy yếu phát triển nhận thức, vận động ở trẻ em cũng như giảm năng suất

---

<sup>21</sup> Can thiệp uống viên nang vitamin A liều cao đã được triển khai nhiều thập kỷ qua nhưng tỷ lệ thiếu vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em 6-59 tháng tuổi vẫn còn ở mức nhẹ và giảm chậm.

lao động ở người lớn. Thiếu kẽm làm tăng tỷ lệ mắc tiêu chảy, nguy cơ nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính và tử vong trẻ em. Thiếu vitamin A gây ra bệnh khô mắt, dẫn đến mù lòa...

Hậu quả của việc thiếu vi chất dinh dưỡng đối với sức khỏe con người là rất nghiêm trọng. Nó không biểu hiện nhanh chóng ra bên ngoài trong một vài ngày, một vài năm mà diễn tiến bệnh âm thầm, dần dần bào mòn sự phát triển trí tuệ và sự tăng trưởng của con người. Đối tượng bị tác động mạnh nhất bởi thiếu vi chất dinh dưỡng chính là phụ nữ và trẻ em, trong đó, những tổn thương do thiếu I-ốt gây ra như đần độn, thiếu năng trí tuệ không thể nào chữa được.

Thiếu vi chất dinh dưỡng tạo ra gánh nặng quốc gia về sức khỏe và kinh tế: 136.000 phụ nữ và trẻ em tử vong hằng năm do thiếu máu, thiếu sắt; 45% trẻ em tử vong do thiếu dinh dưỡng; tổng sản phẩm quốc nội (GDP) giảm 11% ở các nước Châu Á và Châu Phi<sup>22</sup>.

Do đó, để phòng ngừa hậu quả đối với sức khỏe của người dân thì việc giảm tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng bằng biện pháp tăng cường vi chất dinh dưỡng chủ động, thường xuyên và bền vững là rất cần thiết.

## **II. Cập nhật xu hướng toàn cầu về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm (Cập nhật thông tin khoa học, xu hướng mới trong tăng cường vi chất dinh dưỡng nếu có)**

Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) đã gửi Chính phủ một Tuyên bố chung kêu gọi các cơ quan quản lý tăng cường thực hiện Nghị định số 09/2016/NĐ-CP về việc bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào muối, bột mì, dầu ăn và sử dụng muối I-ốt, bột mì sắt, kẽm trong chế biến thực phẩm. Tuyên bố chung nêu rõ Nghị định này “phù hợp với các khuyến nghị quốc tế về một chiến lược có hiệu quả cao với chi phí thấp giúp phòng ngừa và kiểm soát thiếu hụt vi chất dinh dưỡng, cũng như cho thấy cam kết của Chính phủ trong lĩnh vực cải thiện sức khỏe nhân dân...”. Do đó, WHO và UNICEF kêu gọi thực thi Nghị định này để “giải quyết vấn đề thiếu vi chất dinh dưỡng nghiêm trọng của người dân Việt Nam”.

Tổ chức Y tế Thế giới đã khuyến cáo toàn bộ muối ăn được dùng trong gia đình hay chế biến thực phẩm đều cần được tăng cường I-ốt như là chiến lược hiệu quả và an toàn để phòng ngừa và kiểm soát các rối loạn do thiếu I-ốt gây ra. Việc sử dụng nguyên liệu đã được tăng cường vi chất trong chế biến thực phẩm, vốn là một xu hướng toàn cầu, không gây ra tác động bất lợi nào lên thành phẩm cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Dựa vào khuyến cáo của tổ chức Y tế Thế giới, số nước có quy định bắt buộc tăng cường vi chất vào muối ăn, bột mì và dầu ăn lần lượt là 126 , 90 và

---

<sup>22</sup> Theo báo cáo của Viện dinh dưỡng quốc gia năm 2015.

33. Đặc biệt trong 126 quốc gia đang bắt buộc tăng cường I-ốt vào muối ăn, có 114 nước nước yêu cầu dùng muối đã tăng cường I-ốt cho thực phẩm chế biến.<sup>23</sup> Ở khu vực châu Á, 17 quốc gia có quy định bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào bột mì; 7 quốc gia bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào dầu ăn và 35 quốc gia có quy định bắt buộc tăng cường I-ốt vào muối, trong đó có 29 quốc gia yêu cầu muối sử dụng trong chế biến thực phẩm phải là muối đã tăng cường I-ốt.

### **III. Đánh giá hiệu quả của việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm**

Tăng cường vi chất vào thực phẩm chắc chắn sẽ phải mất thêm chi phí, nhưng tất cả các doanh nghiệp sẽ cạnh tranh với chi phí gia tăng giống nhau khi tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm. Quy định bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm là tạo ra công bằng cho cả doanh nghiệp và người tiêu dùng. Quy định này cũng cần yêu cầu cho tất cả các sản phẩm liên quan nhập khẩu vào Việt Nam.

Tổ chức Y tế thế giới đã khuyến nghị, việc tăng cường thực thi các quy định của Chính phủ sẽ thúc đẩy phát triển nguồn vốn con người của Việt Nam và phù hợp với chủ trương của Liên Hợp Quốc về Thập kỷ Hành động vì Dinh dưỡng. Thực hiện triển khai nghị định sẽ giúp tăng cường chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam và phù hợp với các tuyên ngôn của Liên Hiệp Quốc về một Thập kỷ tăng cường các hành động dinh dưỡng toàn cầu. Tăng cường vi chất vào thực phẩm góp phần tạo ra một lực lượng dân số khoẻ mạnh và thông minh sẽ đóng góp nhiều lợi ích hơn cho xã hội và sự phát triển của quốc gia, bao gồm phát triển năng lực cạnh tranh.

Việc tăng cường vi chất vào thực phẩm chế biến và các loại gia vị mặn, dầu ăn và bột mì, đã được toàn cầu ghi nhận và là một chiến lược hiệu quả với chi phí thấp để tăng lượng dưỡng chất vào cơ thể mà không cần phải thay đổi thói quen ăn uống hoặc cần tới nguồn ngân sách lớn của quốc gia.<sup>24</sup> Các bằng chứng nghiên cứu chỉ ra rằng mỗi 1 đồng đô-la đầu tư vào bổ sung i-ốt vào muối, và tăng cường vi chất vào bột mì sẽ cho lợi nhuận 10 đô la Mỹ.

#### **Tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm là biện pháp hiệu quả nhất hiện nay:**

Trong thực hành phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, ba giải pháp trên thế giới hiện đang được áp dụng: (1) Giải pháp ngắn hạn là uống bổ sung trực tiếp các vi chất dinh dưỡng đang thiếu (như vitamin A, viên sắt acid folic...), (2) Giải pháp trung hạn là tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm; (3)

<sup>23</sup> Trao đổi dữ liệu toàn cầu về tăng cường vi chất <https://fortificationdata.org> (Truy cập vào 31/5/ 2018)

<sup>24</sup> <http://www.who.int/nutrition/publications/micronutrients/9241594012/en/>



Giải pháp dài hạn là cải thiện toàn diện chất lượng bữa ăn của người dân. Các giải pháp này sẽ được áp dụng trong từng giai đoạn nhất định, phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau: mức độ cấp bách của tình trạng thiếu hụt vi chất dinh dưỡng, điều kiện kinh tế-xã hội, chế độ ăn đặc thù của từng khu vực, chính sách của quốc gia...

Hiện nay, tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm đã được áp dụng ở nhiều nước từ đầu thế kỷ 20. Tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm đã được Trung tâm Copenhagen Consensus 2012 xếp loại là một trong những can thiệp có hiệu quả nhất trong phát triển toàn cầu và là giải pháp đã được các tổ chức như WHO, WFP, UNICEF, FAO và WB khuyến nghị để thanh toán thiếu vi chất dinh dưỡng.

- Hiệu quả về độ bao phủ:

Tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm là chủ động đưa thêm vào một lượng nhất định một số loại vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm được nhiều người ăn nhất. Do đó, tăng cường vi chất dinh dưỡng cho các thực phẩm thiết yếu là biện pháp đơn giản, thuận tiện, có hiệu quả, dễ đạt độ bao phủ cao và có tính bền vững để bổ sung vi chất dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày.

Ngoài ra, công nghệ để tăng cường vi chất vào thực phẩm hiện khá đơn giản. Các thực phẩm thiết yếu được tăng cường vi chất dinh dưỡng có thể đến được các đối tượng cần, nhất là dân nghèo.

- Hiệu quả về khả năng phòng bệnh:

Sau khi triển khai quy định toàn dân sử dụng muối I-ốt và mọi loại muối ăn được I-ốt hoá từ năm 1999, kết quả điều tra năm 2005 cho thấy, tỷ lệ trẻ bị bướu cổ là dưới 5%. Điều này cho phép Việt Nam tuyên bố đã thanh toán được tình trạng thiếu I-ốt.

Hàm lượng vi chất dinh dưỡng tăng cường vào thực phẩm được tính toán trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đáp ứng khoảng 30% nhu cầu còn thiếu của cơ thể, với lượng rất nhỏ (tính bằng microgam hoặc miligam), cần thiết cho sự tăng trưởng, phát triển và duy trì sự sống cho cơ thể con người. Việc bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm dùng cho cộng đồng không làm cho cơ thể người sử dụng dư thừa vi chất dinh dưỡng hoặc gây bệnh do thừa vi chất dinh dưỡng, kể cả đối với người dân sinh sống ở vùng không bị thiếu vi chất dinh dưỡng.

- Hiệu quả về kinh tế:

So sánh hiệu quả giá thành của 3 biện pháp can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng hiện nay cho thấy:



<b>Giải pháp cải thiện VCDD và giá thành</b>	<b>Đa dạng hóa bữa ăn</b>	<b>Bổ sung bằng đường uống</b>	<b>Tăng cường VCDD vào TP</b>
Giá thành/người/năm	1.148 USD	11,4 USD	0,06USD

\*Nguồn: Guansheng Ma, Y.J., Yanping Li, Fengying Zhai, Frans J Kok, Evert Jacobsen and Xiaoguang Yang, *Iron and zinc deficiencies in China: what is a feasible and cost-effective strategy?* Public Health Nutrition, 2007

Chiến lược phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng trên thế giới hiện nay là kết hợp đồng thời các giải pháp trên. Tuy nhiên, với điều kiện kinh tế xã hội và mức thu nhập bình quân đầu người của người dân Việt Nam, tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm là giải pháp tối ưu nhất vì ngoài ưu điểm chi phí thấp, sử dụng thuận tiện còn có thể kết hợp công - tư, trong đó nhà nước phê duyệt chính sách phù hợp, cá nhân và cơ sở sản xuất thực phẩm sản xuất và phân phối các thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng và người tiêu dùng tự chi trả cho các sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, có lợi ích cho sức khỏe.

Đồng thời, trong thư gửi WHO và UNICEF gửi Thủ tướng Chính phủ<sup>25</sup> đã chỉ rằng các bằng chứng nghiên cứu chỉ ra rằng 1 đồng đô-la đầu tư vào tăng cường I ốt vào muối và tăng cường vi chất vào bột mì sẽ cho lợi nhuận hơn 10 đô la Mỹ<sup>26</sup>

## **Phần VI. KẾT LUẬN, ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **I. KẾT LUẬN, ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Kết quả đạt được**

- Công tác chỉ đạo, quán triệt, tổ chức thực hiện và giải quyết các vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai đã được Lãnh đạo Chính phủ chỉ đạo quyết liệt, các Bộ ngành triển khai nghiêm túc.

- Nhận thức đối với mục đích tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm của cả người dân doanh nghiệp đã được tăng lên.

<sup>25</sup> Thư được gửi tại Công văn số 9035/VPCP-KGVX ngày 10/12/2021 của Văn phòng Chính phủ V/v WHO và UNICEF kêu gọi đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 09/2016/NĐ-CP

<sup>26</sup> Báo cáo của FFI, GAIN, MI, USAID, Ngân hàng Thế giới, UNICEF. Đầu tư cho tương lai, lời kêu gọi hành động về thiếu hụt Vitamin và vi chất. Báo cáo toàn cầu năm 2009.

- Về cơ bản các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã tuân thủ nghị định 09.

- Tình trạng thiếu hụt vi chất dinh dưỡng trong cộng đồng có cải thiện mặc dù vẫn còn ở mức lo ngại, nếu không có giải pháp sẽ trở nên trầm trọng hơn, đặc biệt vấn đề thiếu hụt I-ốt đang có dấu hiệu gia tăng.

## **2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc**

Trong quá trình thực hiện, một số doanh nghiệp, hiệp hội đã có các kiến nghị, phản ánh về một số khó khăn, vướng mắc như gia tăng chi phí, ảnh hưởng đến chất lượng, màu sắc, cảm quan sản phẩm, ảnh hưởng đến cạnh tranh của doanh nghiệp trong xuất khẩu... Trong các vướng mắc, bất cập thì việc gia tăng chi phí là thực tế nhưng đây là chi phí cần thiết để thực hiện được chính sách vì sức khỏe cộng đồng. Với việc gia tăng nhu cầu lựa chọn thực phẩm lành mạnh và xu thế toàn cầu về tăng cường vi chất dinh dưỡng thì người dân sẽ sẵn sàng chi trả cho các thực phẩm có lợi cho sức khỏe. Một số lo ngại khác đã được chứng minh là chưa có cơ sở. Do đó, cần tiếp tục duy trì quy định hiện hành.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Nghị định cơ bản chưa được thực hiện nên chưa đánh giá hết được mức độ tuân thủ và chưa xử lý được các trường hợp vi phạm không thực hiện quy định.

Tất cả các cơ sở sản xuất muối I-ốt, bột mỳ sắt, kẽm và dầu ăn vitamin A và các cơ sở sản xuất thực phẩm sử dụng muối I-ốt và bột mỳ sắt, kẽm đều băn khoăn việc triển khai thiếu thống nhất giữa các cơ sở dẫn đến việc cạnh tranh không bình đẳng. Các cơ sở thực hiện nghiêm túc việc tăng cường vi chất dinh dưỡng sẽ phải tốn thêm chi phí, trong khi các cơ sở không thực hiện sẽ tránh được các chi phí này, trong đó bao gồm cả các sản phẩm nhập khẩu không được kiểm soát việc tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 09/2016/NĐ-CP. Đồng thời, các cơ sở sản xuất muối và bột mỳ đề nghị phải có chế tài rõ ràng đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm chỉ mua muối không I-ốt và bột mỳ không tăng cường vi chất dinh dưỡng về sản xuất thực phẩm cho thị trường trong nước, do các cơ sở sản xuất muối và bột mỳ lo ngại về việc vi phạm quy định tại Nghị định số 09/2016/NĐ-CP khi thực hiện hoạt động kinh doanh này.

Văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định 09 chưa có nên còn khó khăn cho các cơ quan quản lý và doanh nghiệp trong triển khai thực hiện văn bản.

## **3. Nguyên nhân**

Kể từ khi Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ban hành, nhiều doanh nghiệp đã không tiếp tục thực hiện Nghị định 09/2016/NĐ-CP trong khi Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP mới chỉ giao Bộ Y tế nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09/2016/NĐ-CP và Nghị định 09 vẫn còn hiệu lực toàn bộ, từ đó làm hiệu quả thi hành của Nghị định 09/2016/NĐ-CP bị giảm sút.

Khi một số doanh nghiệp dừng thực hiện việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm thì có ảnh hưởng đến mức độ tuân thủ của các doanh nghiệp liên quan do mối liên hệ giữa các cơ sở sản xuất muối I-ốt và bột mỳ sắt, kẽm và các cơ sở sản xuất thực phẩm có sử dụng các nguyên liệu này là mối liên hệ cung-cầu tương hỗ. Khi các cơ sở sản xuất thực phẩm không sử dụng nguồn nguyên liệu là muối I-ốt và bột mỳ sắt, kẽm thì các cơ sở sản xuất muối I-ốt và bột mỳ sắt, kẽm cũng sẽ không sản xuất mặt hàng này nữa do không có khách hàng (phần lớn muối I-ốt và bột mỳ sắt, kẽm sản xuất ra được bán vào các cơ sở sản xuất thực phẩm, lượng bán lẻ ra thị trường chiếm tỉ lệ rất nhỏ, dưới 1%).

## **II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Đề xuất Chính phủ**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 9035/VPCP-KGVX ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ về việc WHO và UNICEF kêu gọi đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 09/2016/NĐ-CP “Bộ Y tế sớm đề xuất cụ thể thực hiện việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm”, Bộ Y tế xin đề xuất Chính phủ cho phép đưa vào nội dung Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ hoặc phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật nội dung: Chính phủ chỉ đạo các bộ ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức tiếp tục thực hiện Nghị định số 09/2016/NĐ-CP do những lợi ích vượt trội của thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng tới sự tăng trưởng, phát triển và duy trì sự sống khỏe mạnh của cộng đồng đã được khoa học và thực tế chứng minh và bảo đảm công bằng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

### **2. Kiến nghị các Bộ, ngành**

#### **2.1. Bộ Y tế**

- Tiếp tục tuyên truyền tới người tiêu dùng, các doanh nghiệp về lợi ích của việc sử dụng thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng và sản phẩm thực phẩm sản xuất từ nguyên liệu tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Giao Bộ Y tế nghiên cứu, chủ trì phối hợp với các bộ liên quan xây dựng Thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định 09 việc áp dụng quy chuẩn, kiểm tra đối với sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng/xây dựng quy chuẩn đối với sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

#### **2. 2. Các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương:**

- Tuyên truyền cho các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng được phân công quản lý tuân thủ nghiêm Nghị định số 09.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ sở sản xuất thực phẩm theo dõi những tác động không mong muốn, ảnh hưởng đến cảm quan của sản phẩm cuối cùng khi

sử dụng các nguyên liệu tăng cường vi chất dinh dưỡng (nếu có) và tìm kiếm những hỗ trợ kỹ thuật từ các chuyên gia để cải tiến công nghệ và tìm cách khắc phục những khó khăn này.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc thực thi Nghị định số 09/2016/NĐ-CP tại tất cả các cơ sở trên (bao gồm cả các sản phẩm nhập khẩu) và xử phạt nghiêm để các cơ sở triển khai nghiêm túc, tạo môi trường kinh doanh công bằng. Đồng thời, chế tài xử phạt các hành vi vi phạm cũng đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

### **3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến về lợi ích của tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Vận động, tuyên truyền cho các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng thuộc phạm vi quản lý tuân thủ nghiêm Nghị định số 09

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc thực thi Nghị định số 09/2016/NĐ-CP tại tất cả các cơ sở trên (bao gồm cả các sản phẩm nhập khẩu) và xử phạt nghiêm để các cơ sở triển khai nghiêm túc, tạo môi trường kinh doanh công bằng. .

### **4. Đề nghị đối với các doanh nghiệp, hiệp hội**

- Ủng hộ các chính sách của Chính phủ vì sức khỏe cộng đồng.

- Cam kết tiếp tục thực hiện Nghị định 09.